

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Hoàng Xuân Chính	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/04/2017)
3. Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên Hội đồng quản trị
4. Ông Lưu Ngọc Bảo	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 28/02/2017)
5. Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị
6. Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/03/2017)
7. Ông Nguyễn An Toàn	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/04/2017)

Ban Tổng Giám đốc

1. Nguyễn Thị Mai	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Duy Chiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Tiền Phong, Thành Phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032602/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.081.913.008.427	859.360.165.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	93.815.654.795	124.288.942.591
1. Tiền	111		39.051.263.128	123.752.700.398
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.764.391.667	536.242.193
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		784.357.386.792	503.823.376.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	380.072.451.962	280.415.843.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	183.838.541.851	89.622.024.061
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	83.431.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	137.015.392.979	133.785.508.841
III. Hàng tồn kho	140		198.204.169.838	229.810.431.083
1. Hàng tồn kho	141	5.7	198.204.169.838	229.810.431.083
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.535.797.002	1.437.415.048
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9a	1.177.603.570	1.437.415.048
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.358.193.432	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		751.716.739.918	818.223.983.988
I. Tài sản cố định	220		697.403.851.370	775.733.528.312
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	696.897.277.785	775.733.528.312
- Nguyên giá	222		1.003.879.142.761	1.003.767.196.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(306.981.864.976)	(228.033.668.449)
2. Tài sản cố định vô hình	227		506.573.585	-
- Nguyên giá	228		588.279.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.705.415)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		33.569.659.815	21.735.676.815
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	33.569.659.815	21.735.676.815
III. Tài sản dài hạn khác	260		20.743.228.733	20.754.778.861
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9b	4.579.939.002	4.591.489.130
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		16.163.289.731	16.163.289.731
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.833.629.748.345	1.677.584.149.260

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.253.487.385.839	1.110.142.398.676
I. Nợ ngắn hạn	310		847.051.073.451	618.834.039.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	277.896.405.695	170.530.246.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	12.442.114.084	2.544.250.270
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.369.643.261	22.821.856.161
4. Phải trả người lao động	314		4.451.076.375	4.177.380.482
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	73.033.310.285	38.762.038.354
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	6.801.065.954	13.411.720.511
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	465.184.427.160	366.547.857.056
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.873.030.637	38.690.165
II. Nợ dài hạn	330		406.436.312.388	491.308.359.315
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.10	106.221.024.039	118.021.024.039
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	300.215.288.349	373.287.335.276
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		580.142.362.506	567.441.750.584
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	580.142.362.506	567.441.750.584
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.768.680.945	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.373.681.561	67.441.750.584
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		36.788.729.167	29.754.941.136
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		39.584.952.394	37.686.809.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.833.629.748.345	1.677.584.149.260



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Phạm Thị Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.220.979.733.558	1.161.170.997.292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	517.055.970
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.220.979.733.558	1.160.653.941.322
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.107.590.074.371	1.053.807.323.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.389.659.187	106.846.618.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.652.953.828	18.487.142.062
7. Chi phí tài chính	22	6.4	53.125.504.240	59.064.793.556
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.834.594.429	51.602.727.883
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	5.665.069.704	6.012.752.907
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	24.086.811.817	24.256.405.523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.165.227.254	35.999.808.271
11. Thu nhập khác	31	6.6	765.409.554	20.533.635.047
12. Chi phí khác	32	6.7	254.057.968	16.443.149.615
13. Lợi nhuận khác	40		511.351.586	4.090.485.432
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.676.578.840	40.090.293.703
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.091.626.446	2.403.484.255
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.584.952.394	37.686.809.448
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	754,01	753,74
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	754,01	753,74



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Phạm Thị Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	43.676.578.840	40.090.293.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	79.029.901.942	78.937.917.317
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(599.968.294)	2.197.027.294
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.617.773.632)	(7.463.472.329)
Chi phí lãi vay	06	52.834.594.429	53.150.384.322
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	163.323.333.285	166.912.150.307
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(192.243.426.449)	(104.427.833.214)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	31.606.261.245	(50.178.444.113)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	91.371.715.194	58.100.925.630
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	271.361.606	(2.424.725.446)
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.698.245.166)	(25.144.485.608)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.553.200.783)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.918.770.608
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(50.000.000)	(115.384.383.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.027.798.932	(63.628.025.212)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(278.606.920)	(2.630.047.455)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(83.431.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	105.141.190.297
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.296.867.619	3.772.054.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(81.412.739.301)	106.283.197.531
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	(100.000.000.000)
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32	-	100.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.357.360.158.569	1.100.784.207.682
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.331.795.635.392)	(1.025.625.345.956)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.583.425.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	981.098.177	75.158.861.726
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.403.842.192)	117.814.034.045
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	124.288.942.591	6.473.952.985
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(69.445.604)	955.561
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	93.815.654.795	124.288.942.591



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Phạm Thị Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình. Công ty có văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh ở địa chỉ: Phòng 1408B, tòa nhà Vincom, số 72 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 870 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 927 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng) tương ứng với 50.000.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 16 tháng 01 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số 16/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FORTEX) niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 06 tháng 02 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân chính thức giao dịch với mã chứng khoán là FTM.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 22
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị văn phòng	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho dự án nhà máy kéo sợi 4.500 tấn – Đại Cường 2 của Công ty là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 04 ngày 01 năm 2007, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm tiếp theo.

Dự án Xưởng kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và dự án Xưởng kéo sợi PE công suất 2.000 tấn/năm (thuộc nhà máy Đại Cường 1) thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2004), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 6 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (năm thứ 4 có doanh thu là năm 2007) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 8 năm tiếp theo.

Dự án nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm: Thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 5 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	89.680.464	452.128.357
Tiền gửi ngân hàng	38.961.582.664	123.300.572.041
Các khoản tương đương tiền (*)	54.764.391.667	536.242.193
Cộng	93.815.654.795	124.288.942.591

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng và hưởng lãi suất 5%/năm đến 5,2%/năm.

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Phúc	14.005.388.038	16.893.609.610
Công ty Cổ phần Tân An	152.542.772.314	32.312.233.495
Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng Vinaland	14.516.608.100	39.287.589.494
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tân Phú	7.099.410.287	13.016.042.174
Sharewatt hotels linens and amenities INC	14.855.815.954	25.599.541.888
Smart shirts LTD	44.562.318.545	-
Nantong CO-OP textile exchange CO., LTD	25.105.327.631	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	107.384.811.093	153.306.826.987
Cộng	380.072.451.962	280.415.843.648
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan	-	13.069.856.520
(Xem chi tiết tại thuyết minh 7.1)		

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	4.275.000.768	63.599.365.962
Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường	21.607.000.000	-
Công ty TNHH XDTM DV Phú Hoàng Phát	82.375.900.200	-
Tongkook international trading Co., Limited	55.717.604.000	-
Các đối tượng khác	19.863.036.883	26.022.658.099
Cộng	183.838.541.851	89.622.024.061
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số 7.1)	4.275.000.768	63.599.365.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	2.409.828.750	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.474.981.210	-
Lãi phạt khách hàng trả chậm	11.461.235.464	7.171.658.340
Phải thu lãi cho vay	6.669.347.555	4.747.199.943
Công ty CP Bất Động sản Đại Cường (*)	115.000.000.000	115.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	-	6.866.650.558
Cộng	137.015.392.979	133.785.508.841

b. Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh số 7.1)

- (*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30112016 ngày 30 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 19/PLHD ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Theo đó Công ty đầu tư 115.000.000.000 đồng để đầu tư vào dự án Khu thương mại dịch vụ căn hộ và văn phòng cho thuê tại số 55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Khoản đầu tư có thời hạn đến 31 tháng 12 năm 2018. Sau khi dự án thực hiện thành công, công ty được hưởng 3000m2 sàn thương mại văn phòng của dự án, tương đương 38,3 triệu đồng/m2 (đã bao gồm thuế GTGT) tại vị trí đã được phê duyệt theo thỏa thuận giữa 2 bên hoặc Công ty được hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn cộng một khoản lãi với lãi suất 15%/năm tính trên tổng số tiền nhà đầu tư đã thực góp. Tài sản đảm bảo cho khoản đầu tư này là 11.500.000 cổ phiếu của ông Lê Mạnh Thường tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Đại Cường (*)	22.646.000.000	-
Công ty CP Bất động sản New City (**)	60.785.000.000	-
Cộng	83.431.000.000	-

- (*) Khoản cho Công ty CP Tập đoàn Đại Cường vay vốn theo hợp đồng số 25032017.HDVT ngày 25 tháng 3 năm 2017 trong vòng 12 tháng. Số tiền cho vay là 23 tỷ đồng để bên vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay vốn 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- (**) Theo hợp đồng cho vay số 02012017.HDVT ngày 02 tháng 01 năm 2017, Công Ty CP Đầu tư Phát triển Đức Quân cho Công ty TNHH Bất động sản New City vay 58 tỷ đồng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời hạn 5 tháng với lãi suất 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 (*)	22.430.201.253	10.596.218.253
Hệ thống phần mềm SAP và server (**)	11.139.458.562	11.139.458.562
Cộng	33.569.659.815	21.735.676.815

(*) Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại Khu công nghiệp Khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749.772.160 đồng.

(**) Theo biên bản góp vốn ngày 29 tháng 12 năm 2015 và biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng chi phí đầu tư hệ thống phần mềm SAP và server đi kèm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển tiếp hệ thống này trước khi đưa vào vận hành chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.7. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	91.089.171.772	-	118.058.215.356	-
Công cụ, dụng cụ	15.954.057.248	-	15.805.140.189	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.273.984.811	-	9.728.831.737	-
Thành phẩm	76.754.104.643	-	86.063.140.122	-
Hàng hoá	4.132.851.364	-	155.103.679	-
Cộng	198.204.169.838	-	229.810.431.083	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một số hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.15).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.8. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2017	165.413.913.297	836.667.828.918	1.621.818.182	63.636.364	1.003.767.196.761
Mua trong năm	-	-	-	111.946.000	111.946.000
Tại ngày 31/12/2017	165.413.913.297	836.667.828.918	1.621.818.182	175.582.364	1.003.879.142.761

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2017	17.131.993.625	210.572.216.493	318.189.392	11.268.940	228.033.668.449
Khấu hao trong năm	8.472.677.532	70.255.289.040	196.727.316	23.502.639	78.948.196.527
Tại ngày 31/12/2017	25.604.671.157	280.827.505.533	514.916.708	34.771.579	306.981.864.976

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2017	148.281.919.672	626.095.612.426	1.303.628.790	52.367.425	775.733.528.312
Tại ngày 31/12/2017	139.809.242.140	555.840.323.386	1.106.901.474	140.810.786	696.897.277.785

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 696.756.466.966 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 775.720.317.424 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 81.818.182 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.9. Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.177.603.570	450.434.527
Chi phí mua bảo hiểm	-	986.980.521
Cộng	1.177.603.570	1.437.415.048
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.659.281.163	4.127.423.567
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	920.657.839	464.065.563
Cộng	4.579.939.002	4.591.489.130

5.10. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	70.843.867.461	37.907.518.198
Các khoản trích trước khác	2.189.442.824	854.520.156
Cộng	73.033.310.285	38.762.038.354
b) Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí lãi vay (*)	106.221.024.039	118.021.024.039
Cộng	106.221.024.039	118.021.024.039

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30 tháng 11 năm 2014 là 46.898.504.116 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến tháng 1 năm 2023.

Theo Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD - NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 là 82.522.519.923 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý 1 năm 2025.

Các khoản lãi vay ngắn hạn và dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	70.843.867.461	37.907.518.198
Trong năm thứ hai	11.800.000.000	11.800.000.000
Sau hai năm	94.421.024.039	106.221.024.039

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	722.078.600	484.410.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.279.967.772	2.757.884.704
Các khoản phải trả, phải nộp khác	799.019.582	10.169.425.807
Cộng	6.801.065.954	13.411.720.511

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Triều Phong, Thành phố Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
HENAN TONGZHOU COTTON TRADE CO.,LTD	34.653.696.207	34.653.696.207	-	-
Ecom Agroindustrial Corp. LTD	-	-	21.210.696.073	21.210.696.073
Toyoshima & Co., LTD	-	-	19.186.268.122	19.186.268.122
Uday Cotton Industries	29.747.117.401	29.747.117.401	18.364.372.980	18.364.372.980
ONE COMMODITIES	39.059.376.129	39.059.376.129	-	-
Om Shiva Commodities Hong Kong LTD	-	-	63.229.930.182	63.229.930.182
CDI CTTON DISTRIBUTORS INCORPORATED	-	-	16.472.019.460	16.472.019.460
Công ty CP xuất nhập khẩu thủy sản Miền trung	23.980.435.650	23.980.435.650	12.869.377.461	12.869.377.461
STRYKAR OVERSEAS LLP	12.797.963.465	12.797.963.465	-	-
Tongzhou International Cotton Limited	51.834.984.268	51.834.984.268	8.263.419.263,00	8.263.419.263
OSC cotton Trading LLC	65.314.834.496	65.314.834.496	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	20.507.998.080	20.507.998.080	10.934.162.821	10.934.162.821
Cộng	277.896.405.695	277.896.405.695	170.530.246.362	170.530.246.362
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)	23.980.435.650	23.980.435.650	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Kelisha garments & weaving Co.,LTD JimJiang	-	-	2.144.844.980	2.144.844.980
Công ty Cổ phần Dầu tư 3 GR	10.901.374.442	10.901.374.442	-	-
Các đối tượng khác	1.540.739.642	1.540.739.642	399.405.290	399.405.290
Cộng	12.442.114.084	12.442.114.084	2.544.250.270	2.544.250.270
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)	10.901.374.442			

5.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp		Số đã thực nộp/ Số đã khấu trừ		31/12/2017	
	VND	VND	Số phải nộp VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả								
Thuế giá trị gia tăng	9.548.463.071		7.336.910.372		16.885.373.443		-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-		26.065.230		26.065.230		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.553.200.783		4.091.626.446		12.553.200.783		4.091.626.446	
Thuế thu nhập cá nhân	720.192.307		1.383.340.099		825.515.591		1.278.016.815	
Các loại thuế khác	-		304.857.897		304.857.897		-	-
Cộng	22.821.856.161		13.142.800.044		30.595.012.944		5.369.643.261	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
5.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	364.371.250.751	364.371.250.751	1.295.868.385.056	1.250.036.580.303	318.539.445.998	318.539.445.998
<i>Vay bằng VND</i>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	139.706.225.251	139.706.225.251	277.753.005.098	330.183.799.127	192.137.019.280	192.137.019.280
<i>Vay bằng USD</i>						
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	119.006.270.463	179.071.565.181	60.065.294.718	60.065.294.718
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội (ii)	41.491.404.000	41.491.404.000	146.458.613.500	104.967.209.500	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	183.173.621.500	183.173.621.500	752.650.495.995	635.814.006.495	66.337.132.000	66.337.132.000
Vay ngắn hạn cá nhân	8.356.161.000	8.356.161.000	8.356.161.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	92.457.015.409	92.457.015.409	-	-	48.008.411.058	46.530.000.000
(Trình bày thuyết minh vay dài hạn)						
Cộng	465.184.427.160	456.828.266.160	1.295.868.385.056	1.250.036.580.303	366.547.857.056	365.069.445.998

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017/1497403/HDTD ngày 15 tháng 05 năm 2017. Hạn mức tín dụng ngắn hạn với số tiền tối đa là 570 tỷ đồng bao gồm cả Việt Nam Đồng và ngoại tệ quy đổi (hạn mức này đã bao gồm toàn bộ dư L/C và dư nợ ngắn hạn theo hạn mức cũ chuyển sang), trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 270 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, dư bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không sau ngày 30 tháng 04 năm 2018. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Tài sản đảm bảo là: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu trong nước, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng xuất khẩu; kho vật liệu phụ; tài sản máy móc thuộc dây chuyền sản xuất 1.740 tấn/ năm; Số dư tài khoản tiền gửi của Công ty mở tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản phải thu từ hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng; Dây chuyền máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm; Các tài sản đảm bảo khác của Công ty và bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-2017.01692 ngày 25 tháng 12 năm 2017. Hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là 304.100 USD theo LC xuất khẩu số 543LC1700040 do CHINA MERCHANTS BANK -BINZHOU BRANCH phát hành ngày 08 tháng 12 năm 2017. Mục đích vay là chiết khấu bộ chứng từ theo LC xuất khẩu số 543LC1700040 do CHINA MERCHANTS BANK -BINZHOU BRANCH phát hành ngày 08 tháng 12 năm 2017. Thời hạn cho vay là 43 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay là 4%/năm.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-2017.01693 ngày 25 tháng 12 năm 2017. Hạn mức tín dụng với số tiền tối đa là 304.100 USD theo LC xuất khẩu số 08101LC17003077C do INDUSTRIAL BANK CO., LTD-FUZHOU phát hành ngày 15 tháng 12 năm 2017. Mục đích vay là chiết khấu bộ chứng từ theo LC xuất khẩu số 08101LC17003077C do INDUSTRIAL BANK CO., LTD-FUZHOU phát hành ngày 15 tháng 12 năm 2017. Thời hạn cho vay là 43 ngày từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay là 4%/năm.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo tờ trình chiết khấu có truy đòi bộ chứng từ hàng xuất theo LC với số LAV là 1460-LAV-2017.01605 ngày 08 tháng 12 năm 2017. Số tiền chiết khấu là 608.200 USD theo LC xuất khẩu số LCBB69265 do SHANGHAI COMMERCIAL BANK LIMITED - HONGKONG phát hành ngày 21 tháng 11 năm 2017. Mục đích vay là chiết khấu bộ chứng từ theo LC xuất khẩu số LCBB69265 do SHANGHAI COMMERCIAL BANK LIMITED - HONGKONG phát hành ngày 21 tháng 11 năm 2017. Thời hạn chiết khấu 19 tháng 03 năm 2018. Lãi suất chiết khấu là 4%/năm.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo tờ trình chiết khấu có truy đòi bộ chứng từ hàng xuất theo LC với số LAV là 1460-LAV-2017.01636 ngày 12 tháng 12 năm 2017. Số tiền chiết khấu là 608.200 USD theo LC xuất khẩu số LCBB69266 do SHANGHAI COMMERCIAL BANK LIMITED - HONGKONG phát hành ngày 30 tháng 11 năm 2017. Mục đích vay là chiết khấu bộ chứng từ theo LC xuất khẩu số LCBB69266 do SHANGHAI COMMERCIAL BANK LIMITED - HONGKONG phát hành ngày 30 tháng 11 năm 2017. Thời hạn chiết khấu 21 tháng 03 năm 2018. Lãi suất chiết khấu là 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Các khoản vay dài hạn của Công ty	392.672.303.758	392.672.303.758	53.135.612.513	81.759.055.089	421.295.746.334	421.295.746.334
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>	105.451.364.582	105.451.364.582	46.034.500.513	67.827.363.089	127.244.227.158	127.244.227.158
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	74.550.761.349	74.550.761.349	27.389.752.176	42.762.600.859	89.923.610.032	89.923.610.032
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	22.627.587.500	22.627.587.500	18.610.712.445	25.010.712.445	29.027.587.500	29.027.587.500
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng USD</i>	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	8.273.015.733	8.273.015.733	34.035.892	54.049.785	8.293.029.626	8.293.029.626
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	287.220.939.176	287.220.939.176	7.101.112.000	13.931.692.000	294.051.519.176	294.051.519.176
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng VND</i>	260.280.279.176	260.280.279.176	-	-	260.280.279.176	260.280.279.176
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (iii)	14.300.000.000	14.300.000.000	7.100.000.000	13.900.000.000	21.100.000.000	21.100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	12.640.660.000	12.640.660.000	1.112.000	31.692.000	12.671.240.000	12.671.240.000
<i>Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ (USD)</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)						
Cộng	392.672.303.758	392.672.303.758	53.135.612.513	81.759.055.089	421.295.746.334	421.295.746.334

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình

Ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	92.457.015.409	92.457.015.409	-	48.008.411.058	48.008.411.058
(được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) -	14.040.000.000	14.040.000.000	-	15.372.848.683	15.372.848.683
Chi nhánh Thái Bình					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt	22.627.587.500	22.627.587.500	-	21.788.542.375	21.788.542.375
Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội					
Vay dài hạn USD					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt	8.273.015.733	8.273.015.733	-	-	-
Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội					
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ	47.516.412.176	47.516.412.176		10.847.020.000	10.847.020.000
phần Tập đoàn Đại Cường:					
Vay tổ chức tín dụng bằng VND					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) -	20.575.752.176	20.575.752.176	-	-	-
Chi nhánh Thái Bình					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt	14.300.000.000	14.300.000.000	-	10.847.020.000	10.847.020.000
Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội					
Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ (USD)					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt	12.640.660.000	12.640.660.000	-	-	-
Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội					
Cộng vay dài hạn	300.215.288.349	485.129.319.167		373.287.335.276	469.304.157.392

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẤN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng vay vốn tín dụng như sau:

- Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDDT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quần 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quần 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

- Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quần 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2 năm 2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quần 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 17 tháng 6 năm 2014, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2018. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là: Toàn bộ là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển- Chi nhánh Bắc Hà Nội là Nhà máy Đức Quần 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(iii) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Số lãi phải trả đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 được chi trả theo lịch trả nợ từ quý 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 1 năm 2025. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:

- Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

- Hợp đồng số 01/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(iv) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2017. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng; các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	150.000.000.000	-	29.754.941.136	179.754.941.136
Vốn góp tăng trong năm	350.000.000.000	-	-	350.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	37.686.809.448	37.686.809.448
Số dư tại ngày 31/12/2016	500.000.000.000	-	67.441.750.584	567.441.750.584
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	39.584.952.394	39.584.952.394
Trích lập các quỹ (i)	-	3.768.680.945	(5.653.021.417)	(1.884.340.472)
Trả cổ tức (i)	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	500.000.000.000	3.768.680.945	76.373.681.561	580.142.362.506

(i) Trích lập các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2017/NQ - ĐHĐCĐ - ĐQ ngày 15 tháng 4 năm 2017.

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	350.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.000.000.000	-

c. Cổ phiếu

	Năm 2017 Cổ phần	Năm 2016 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.220.979.733.558	1.161.170.997.292
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	933.628.670.450	769.817.959.320
- Doanh thu bán hàng hóa	287.351.063.108	391.353.037.972
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	517.055.970
- Giảm giá hàng bán	-	517.055.970
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.220.979.733.558	1.160.653.941.322

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	848.619.772.767	698.636.201.995
Giá vốn hàng hóa đã bán	258.970.301.604	355.171.121.132
Cộng	1.107.590.074.371	1.053.807.323.127

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	46.867.619	46.821.805
Lãi cho vay ngắn hạn	8.180.149.140	7.416.650.524
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.035.180.196	5.059.342.332
Lãi bán hàng trả chậm	3.390.756.873	5.964.327.401
Cộng	12.652.953.828	18.487.142.062

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	52.834.594.429	53.150.384.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá	290.909.811	5.914.409.234
Cộng	53.125.504.240	59.064.793.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Lương và các khoản trích theo lương	5.374.771.828	5.125.562.665
Phí dịch vụ bảo vệ	2.174.945.194	2.291.533.324
Phí ngân hàng	6.749.518.598	6.320.707.365
Phí bảo hiểm	1.213.436.217	1.307.123.172
Phí thuê hạ tầng	809.335.464	1.148.114.237
Phí dịch vụ tư vấn	40.000.000	245.454.545
Chi phí khác	7.724.804.516	7.817.910.215
Cộng	24.086.811.817	24.256.405.523
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Phí vận chuyển	2.366.393.575	3.371.945.246
Phí nâng hạ	668.360.001	606.979.078
Phí dịch vụ hỗ trợ thủ tục xuất khẩu	1.631.182.168	597.430.142
Chi phí hoa hồng	401.737.287	800.912.444
Chi phí bảo hiểm	597.396.673	635.485.997
Cộng	5.665.069.704	6.012.752.907

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu tiền phạt lãi nộp chậm thanh toán	-	1.431.914.692
Bồi thường do thiên tai	209.822.942	15.785.421.166
Các khoản thu nhập khác	555.586.612	3.316.299.189
Cộng	765.409.554	20.533.635.047

6.7. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thiệt hại do thiên tai	-	15.785.421.166
Các khoản chi phí khác	254.057.968	657.728.449
Cộng	254.057.968	16.443.149.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	43.676.578.840	40.090.293.703
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.587.849.642	657.728.449
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>1.587.849.642</i>	<i>657.728.449</i>
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và công nợ phải thu	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	45.264.428.482	40.748.022.152
<u>Trong đó:</u>		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi 7,5% (i)	17.109.300.767	18.000.853.190
- Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi	14.042.144.442	5.267.101.330
- Thu nhập đang được miễn thuế (ii)	14.112.983.273	17.480.067.633
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất ưu đãi	7,5%	7,5%
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.091.626.446	2.403.484.255
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.091.626.446	2.403.484.255

(i) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng cho Nhà máy kéo sợi 4.500 tấn - Đại Cường 2 là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 4 tháng 1 năm 2007, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo. Năm 2017, Nhà máy Đại Cường 2 chịu thuế suất thuế TNDN là 7,5%.

(ii) Trong tháng 9 năm 2015, Công ty nhận bàn giao tài sản góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường và thực hiện kế thừa ưu đãi thuế tương ứng với dự án đầu tư các tài sản này như sau:

- Dự án Nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 5 năm tiếp theo. Năm 2017, Nhà máy Đại Cường 5 được miễn thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)****6.9. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.584.952.394	37.686.809.448
Trừ: Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.884.340.472	
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.700.611.922	37.686.809.448
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên một cổ phiếu	754,01	753,74
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	639.972.874.753	536.778.117.959
Chi phí nhân công	51.630.864.029	51.165.790.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.029.901.942	78.937.917.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.965.485.490	53.971.862.681
Chi phí khác bằng tiền	22.317.681.148	8.045.904.047
Cộng	878.916.807.362	728.899.592.883

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*****Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR
 Ông Lê Mạnh Thường
 Ông Phạm Thành Đông
 Ông Phạm Ngọc Toàn
 Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 Công ty CP Bất động sản New City

Mối quan hệ

Công ty có liên quan
 Cổ đông sáng lập
 Cổ đông sáng lập
 Cổ đông sáng lập
 Công ty có liên quan
 Công ty có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên Quan (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	-	13.069.856.520
Công ty cổ phần đầu tư 3GR	-	13.069.856.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.275.000.768	63.599.365.962
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	4.275.000.768	63.599.365.962
Các khoản phải thu khác	65.942.824.943	4.747.199.943
Phạm Thành Đông	1.250.743.012	2.400.743.012
Phạm Ngọc Toàn	1.246.456.931	2.346.456.931
Công ty CP Bất động sản New City	63.445.625.000	-
Người mua trả tiền trước	10.901.374.442	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10.901.374.442	-
Phải trả nhà cung cấp	23.980.435.650	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	23.980.435.650	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	31.269.587.760	117.786.136.481
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	31.269.587.760	47.206.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	345.366.174.414	162.318.457.775
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	345.366.174.414	149.489.654.900
Chia cổ tức	6.005.000.000	-
Ông Lê Mạnh Thường	6.000.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Toàn	5.000.000	-
Trả lãi vay	2.250.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Toàn	1.100.000.000	-
Ông Phạm Thành Đông	1.150.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	927.138.166	403.500.000
Cộng	927.138.166	403.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Phạm Thị Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập